Chi tiết mã HS 8203.40.00

Mã HS	8203.40.00
Mô tả hàng hóa	Giũa, nạo, kìm (kể cả kìm cắt), panh, nhíp, kéo cắt kim loại, dụng cụ cắt ống, xén bu lông, mũi đột lỗ và các dụng cụ cầm tay tương tự / - Dụng cụ cắt ống, xén bu lông, mũi đột lỗ và các dụng cụ tương tự
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 04:36:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/82034000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12517
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12517
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12517
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11866
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11809
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11809
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11809
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11809
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11809
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11809
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E11861
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11861

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11861
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11861
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11861
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11861
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11862
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11862
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11862
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11862
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11862
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11862
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11865
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11815
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11821
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11821
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11821
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11821
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11821
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11821
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11854
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11854
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11854
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11854
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11854
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11854
VCFTA	2022	2022	2	VC!D11899
VCFTA	2023	2023	1	VC!E11899

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11899
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11899
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11899
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11899
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11884
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11884
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11884
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11884
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11884
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11884
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D11884
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E11884
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F11884
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G11884
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H11884
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11884
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D11901
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E11901
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F11901
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11901
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11901
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11901
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D11900
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E11900
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F11900
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11900

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11900
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11900
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11847
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11847
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11847
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11847
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11847
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11847
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11847
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11884
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11884
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11884
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11884
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11884
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11884
RCEP B	2022	2022	0	B!D11884
RCEP B	2023	2023	0	B!E11884
RCEP B	2024	2024	0	B!F11884
RCEP B	2025	2025	0	B!G11884
RCEP B	2026	2026	0	B!H11884
RCEP B	2027	2027	0	B!I11884
RCEP C	2022	2022	0	C!D11884
RCEP C	2023	2023	0	C!E11884
RCEP C	2024	2024	0	C!F11884
RCEP C	2025	2025	0	C!G11884
RCEP C	2026	2026	0	C!H11884

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11884
RCEP D	2022	2022	0	D!D11883
RCEP D	2023	2023	0	D!E11883
RCEP D	2024	2024	0	D!F11883
RCEP D	2025	2025	0	D!G11883
RCEP D	2026	2026	0	D!H11883
RCEP D	2027	2027	0	D!I11883
RCEP E	2022	2022	0	E!D11887
RCEP E	2023	2023	0	E!E11887
RCEP E	2024	2024	0	E!F11887
RCEP E	2025	2025	0	E!G11887
RCEP E	2026	2026	0	E!H11887
RCEP E	2027	2027	0	E!I11887
RCEP F	2022	2022	0	F!D11884
RCEP F	2023	2023	0	F!E11884
RCEP F	2024	2024	0	F!F11884
RCEP F	2025	2025	0	F!G11884
RCEP F	2026	2026	0	F!H11884
RCEP F	2027	2027	0	F!I11884
VIFTA	2024	2024	8	VI!F10992
VIFTA	2025	2025	6	VI!G10992
VIFTA	2026	2026	4	VI!H10992
VIFTA	2027	2027	2	VI!I10992

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8203.40.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8203.40.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12517), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.